

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT MẶT TRỜI ĐEN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT MẶT TRỜI ĐEN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BLACKSUN CHEMICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BLACKSUN CHEMICAL.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110731796

**3. Ngày thành lập:**

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

25-TT26 Khu đô thị mới Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4690        |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4610        |
| 3.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4933        |
| 4.  | Sản xuất hoá chất cơ bản<br>(trừ hóa chất Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2011        |
| 5.  | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5012        |
| 6.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(không kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4662        |
| 7.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5022        |
| 8.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5210        |
| 9.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5224        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5225        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Logistics                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5229        |
| 12. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hoá chất công nghiệp: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp;<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;<br>- Bán buôn cao su;<br>- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại | 4669(Chính) |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh | 8299 |
| 14. | Quảng cáo                                                                                                                           | 7310 |
| 15. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                  | 4632 |
| 16. | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                                                                                 | 2012 |
| 17. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                | 2013 |
| 18. | Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp                                                             | 2021 |
| 19. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                      | 2022 |
| 20. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                              | 2023 |
| 21. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu                                                                              | 2029 |
| 22. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đấu giá)                                           | 4791 |
| 23. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                      | 4799 |
| 24. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                           | 8230 |
| 25. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                    | 8292 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                 | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>CAO THÙY<br>DƯƠNG | Thôn Phú Diễn,<br>Xã Hữu Hoà,<br>Huyện Thanh Trì,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000        | 100.000.000              | 10,000       | 0011970167<br>19                                                                                                       |            |
|     |                             |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                    | Tổng số                            | 10.000        | 100.000.000              | 10,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>QUANG<br>KHÁNH    | Khu 11, Xã Phú<br>Hộ, Thị xã Phú<br>Thọ, Tỉnh Phú<br>Thọ, Việt Nam                 | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 80.000        | 800.000.000              | 80,000       | 0250970085<br>72                                                                                                       |            |
|     |                             |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                    | Tổng số                            | 80.000        | 800.000.000              | 80,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                     |                                                                                                        |                                    |        |             |        |                  |
|---|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN<br>NGỌC LINH | C38-TT16 Khu<br>đô thị Văn Quán,<br>Phường Văn<br>Quán, Quận Hà<br>Đông, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 | 0011970239<br>53 |
|   |                     |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                        | Tổng số                            | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 |                  |
|   |                     |                                                                                                        |                                    |        |             |        |                  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                      |              |                                                                                                                                             |            |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN QUANG KHÁNH
Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/09/1997
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025097008572

Ngày cấp: 28/06/2021
Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu 11, Xã Phú Hộ, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu 11, Xã Phú Hộ, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội